TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **1213**/2018/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 04 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1994/2018/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa:

- *Người yêu cầu:* Bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1977.
Địa chỉ: 271, khu phố B, phường T, TP.B, tỉnh Đồng Nai.
- *Người yêu cầu:* Ông **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm 1974;
Địa chỉ: 271, khu phố B, phường T, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Hữu Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Hữu Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Xuân V, sinh ngày 10/9/2009 cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; ông Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng nuôi cháu Vy 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng/1tháng) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông Đ có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở

thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết;

- Về lệ phí HNGĐ: Bà T, ông Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp tại biên lai thu số 008794 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Xuân